

LUẬN VỀ TAM THAI BÁT TỌA:

Tam Thai (phải đọc là Tam Đài mới đúng) thuộc dương thổ. Chủ về văn mặc (văn từ bút mực) trợ giúp cho quang huy của Thái Dương. Tam thai tính tình ánh trực vô tư. Nếu đứng bên Thái dương hoặc được Thái Dương đặc địa chiếu càng sáng sủa.

Tam Thai đứng cung nào cũng được không có đất hãm cho sao này Bát Tọa (phải đọc là Bát Tòa) thuộc âm thổ, tính tình thẳng thắn bộc trực, có phần vội vã, cũng chủ về văn mặc và trợ giúp quang huy cho Thái Âm. Bát Tọa đứng bên Thái Âm hoặc được Thái Âm đặc địa chiếu sẽ làm tăng quang huy cho Thái Âm.

Bát Tọa đứng chỗ nào cũng được không bị thất hãm. Một số Tử Vi gia Trung Quốc cho rằng Thai Tọa kỵ đứng vào Phu Thê cung sẽ gây ra tình trạng ly khác. Tử Vi Việt đối với Thai Tọa vào cung Phối chẳng những không trở ngại mà còn đẹp nữa.

Một vài sách Tử Vi Việt lại bảo Tam Thai thuộc Thủy và Bát Tọa thuộc Mộc. Nếu đọc là Đài với Tòa thì thuộc Thổ có phần chính xác. Thai Tọa với Tử Vi Việt là sự khôn ngoan sang trọng, nhà cửa cao sang. Như vậy thì rõ ràng là Đài với Tòa chứ không còn phải là Thai với Tọa nữa.

Có những câu phú về Thai Tọa như sau:

*Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai

Thiếu niên sớm dự các đài nghênh ngang.

*Tam Thai hội hợp cùng Cát diệu

Thời một phen dưỡng dục nên người.

*Mộ trung Thai Tọa văn mưu võ lược kiêm ưu. (Thai Tọa đóng Mệnh ở các cung Mộ thì văn mưu vũ lược đều hay.)

*Bát Tọa hướng Dương, thị tụng ư cung cấm. (Bát Tọa có Thái Dương là người được ra vào nơi cung cấm, quyền chức.)

*Thai Tọa Phong Cáo hiển âm thừa quang. (Mệnh hay Phúc Đức có Thai Tọa Phong Cáo thì được hưởng phúc âm của ông cha.)

*Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối. (Mệnh có Thiên Mã đứng với Tam Thai là con người bản lĩnh anh hùng.)

Tam Thai đứng cùng nào cũng được không có bất
hâm cho sao này Bất Tọa (phải đọc là Bất Tọa) thuộc âm thổ,
tính tình thanh thản học trực, có phần với và cũng chỉ về văn
mặc và trợ giúp quang huy cho Thai Âm. Bất Tọa đứng bên
Thai Âm hoặc được Thai Âm đặc địa chiếu sẽ làm tăng
quang huy cho Thai Âm.

Bất Tọa đứng chỗ nào cũng được không bị thất hãm.
Một số Tử Vi gia Trung Quốc cho rằng Thai Tọa ki đứng vào
Phu Thê cũng sẽ gây ra tình trạng lý khác. Tử Vi Việt đối với
Thai Tọa vào cung Phôi chẳng những không trở ngại mà còn
đẹp nữa.

Một vài sách Tử Vi Việt lại bảo Tam Thai thuộc Thủy
và Bất Tọa thuộc Mộc. Nếu đọc là Bất với Tọa thì thuộc Thổ
có phần chính xác. Thai Tọa với Tử Vi Việt là sự khôn ngoan
sang trọng, nhà cửa cao sang. Như vậy thì rõ ràng là Bất với
Tọa chứ không còn phải là Thai với Tọa nữa.

Có những câu phê về Thai Tọa như sau:

*Giáp Bất Tọa giáp Tam Thai

Thiên niên sơn dự các đài nghênh ngang.

*Tam Thai hội hợp cùng Cát diệu

Thời một phen được đức nên người.

*Mô trung Thai Tọa văn mưu vô lược kếm mưu (Thai
Tọa đồng Mệnh ở các cung Mộ thì văn mưu vô lược đến
hay.)

*Bất Tọa hưởng Dương thì tưng u cùng cảm. (Bất
Tọa có Thai Dương là người được ra vào nơi cung cảm,
duyên chức.)

LUẬN VỀ LỘC MÃ:

Lộc Mã là Lộc Tồn với Thiên Mã. Hai sao này mỗi sao có riêng một tính chất. Nhưng khi hội hợp với nhau lại tạo thành tính chất đặc thù. Bởi vậy trong khóa Đẩu Số mới có danh từ Lộc Mã.

Sao Lộc Tồn mang cái nghĩa y lộc, tượng trưng cho tài phú tiền bạc. Trong lá số hễ Lộc Tồn đứng đâu thì đều có Kinh Dương Đà La hiệp. Cổ nhân đặt như vậy với thâm ý, chỗ nào thấy tiền thì có kẻ dòm ngó.

Dương Đà còn biểu thị điều lao tâm lao lực phấn đấu cam go hoặc khẩu thiệt thị phi. Kiếm được tiền thì phải vất vả vượt những khó khăn. Sự đặt định này thật thuận lý. Vì Lộc Tồn bị Kinh Đà hiệp nên những sao đứng cùng Lộc Tồn rất hệ trọng đối với sự luận đoán.

Sách xưa viết: “Lộc Tồn Bắc Đẩu đệ tam tinh, chân nhân chi tử, chủ nhân quý tước, trường nhân thọ cơ, Đế Tướng phủ chi thi quyền, Nhật Nguyệt đắc chí tăng huy, Thiên Phủ Vũ Khúc vi quyết chức, Thiên Lương Thiên Đồng cộng kỳ tường nghĩa là: Lộc Tồn với Tử Vi, Thiên Tướng đứng cùng thành quyền lực, đứng với Thái Âm Thái Dương tăng thêm vẻ huy hoàng, gặp Vũ Khúc Thiên Phủ vốn là hai saotiền bạc thì tài khí càng dồi dào. Thiên Lương Thiên Đồng nhờ Lộc Tồn nâng cao phúc âm.

Lộc Tồn trên cơ bản ý nghĩa là y lộc, cho nên cũng dùng nó để tính sang thọ số của con người, tuổi thọ cao thì mới hưởng nhiều y lộc, như trong ngôn từ ta thường nói để chỉ ai đó qua đời bằng chữ “thất lộc”. Cho nên Mệnh cung mà có Thiên Lương đi với Lộc Tồn thường sống lâu.

Tiền nhân khi bàn về Lộc Tồn có viết câu: “Nếu đan thủ ở Mệnh mà không gặp các sao tốt khác chỉ đáng xem như mọi giữ tiền (thủ tài nô) ý chỉ rằng không biết hưởng thụ keo bần bản tiện.” Tại sao?

Các sao tốt khác trong câu trên là Hóa Lộc Hóa

Quyền Hóa Khoa. Lộc Tồn bị Kinh Đà hiệp mà đan thủ tất nhiên thành cô lập. Không gặp thế lực khác phò trợ Lộc Tồn đâm ra sợ hãi mất tự tin lúc nào cũng lo ai cướp mất lấy mất mà tìm cách bo bo giữ, coi tiền hơn tính mạng.

Lộc Tồn cô lập nơi Mệnh cung trong tình trạng ấy, thà rằng đóng vào Thiên Di thoát mái hơn, Mệnh cung không còn bị áp lực của Kinh Đà nữa, y lộc không trở nên vấn đề kinh hãi thì cuộc sống mới dễ chịu nhất là đối với những món tiền cố định như lương bổng, tiền lời ngân hàng, tiền cho mượn bất động sản. Lộc Tồn đóng Thiên Di lại thêm cả hoặc Lộc hoặc Khoa hoặc Quyền thì còn thành công trong những vụ buôn bán xa (ngoại quốc).

Lộc Tồn đứng với Thiên Mã cũng thế, khả dĩ tìm thấy tài lộc nơi viễn phương. Lộc hội Mã nhờ “động” mà có tiền. Chữ động đây còn có thể hiểu như làm nghề chuyển vận nữa không chỉ thu hẹp vào chữ viễn phương.

Lộc Tồn với Thiên Mã đồng cung, hoặc đối diện đều gọi là Lộc Mã giao tri. Lộc Mã giao tri nếu có thêm Văn Xương Văn Khúc thì cuộc đời làm ăn phát đạt khá mà không vất vả. Nhược bằng thấy Hóa Tinh Linh Tinh tất khó tránh được bốn ba lao bác một nắng hai sương.

Lộc Mã giao tri do “động” mà đắc lợi. Tuy nhiên cũng còn phải coi bản chất Thiên Mã thế nào để mà định. Thiên Mã nhất định chỉ có bốn nơi Dần Thân Ty Hợi và cùng một chỗ của sao Trường sinh cũng luôn luôn gặp sao Tuyệt ở những nơi này.

Trường hợp Thiên Mã đứng bên cạnh Trường Sinh làm việc để đắc lợi, nhưng cứ phải “động” hoài ít có thì giờ nghỉ ngơi. Như cổ nhân bảo: Mã ngộ Trường Sinh chung thân bốn tẩu.

Trường hợp Thiên Mã đứng bên sao Tuyệt thì “động” với khí thế suy giảm dễ thành “bị động” hoặc chóng mệt mỏi. Thiên Mã đứng cùng Hóa Linh cuộc đời bốn ba rồi mới thành công nếu Hóa Linh đắc địa. Đứng với sao Đà La, Đà La ví như dây quần vương vít, mọi việc đều trì trệ, kéo dài,

“động” mà không mấy hanh thông, nhưng cứ phải “động”.

Thiên Mã đi cùng với một chính tinh nào cũng chịu ảnh hưởng của chính tinh đó. Tỉ dụ: Thiên Cơ mang sắc thái hiếu động, Thiên Mã khi đi với Thiên Cơ tính chất hiếu động càng tăng mạnh đến mức thành “phù động” ý chỉ là vội vã sốt nổi. Bất luận ở Mệnh hay Thiên Di Cơ Mã đều thành con người lăm nghề và ít khi ở yên một chỗ. Tốt hay xấu? lại còn tùy thuộc những hung cát diệu khác.

Thiên Mã đứng với Thiên Phủ, thì Thiên Phủ vốn tính chất an định. Thiên Phủ có khả năng làm cho Mã bớt “động”. Cho đến khi vận gặp lưu Thiên Mã bấy giờ Mã mới có sức chống lại sự ngăn chặn của Thiên Phủ để tạo nên một thay đổi rõ ràng quyết liệt.

Đối với các sao khác cũng theo như vậy mà suy đoán. Ngoại trừ Mệnh và Thiên Di Thiên Mã Lộc Tồn khi chấn đóng ở Tài Bạch hay Điền Trạch cũng mang một ý nghĩa đặc thù. Cung Tài Bạch thấy Lộc Mã rất tốt cho chuyện “động” mà đắc tài, buôn bán phương xa.

Cung Điền Trạch có Lộc Mã, làm ăn kinh doanh về nhà đất nơi phương xa dễ thành công. Tài Bạch, Điền Trạch theo cổ nhân nếu có Thái Dương Cự Môn phùng Lộc Mã hợp nhất rất thuận lợi cho sự nghiệp buôn bán viễn phương.

Trường hợp Thê cung có Lộc Mã, mà Mệnh cung xấu thì vợ sẽ bỏ mình đi lấy người có tiền có địa vị hơn. Thê cung ấy thêm sao Triệt Tuần nữa thì chuyện xảy đến càng mau chóng sớm sủa.

Lộc Tồn thuộc âm thổ, chủ về tuổi thọ, có thể chế được tai ách cho người ta. Lộc Tồn tâm tình chân thực, phản ứng thì mau nhưng khai sáng lại chậm vì có khuynh hướng nặng về bảo thủ, khó hòa đồng. Nhờ Thiên Mã Lộc Tồn mới nhanh chóng mau mắn xông vào bất cơ hội.

Lộc Tồn gặp xung phá tất phiền nhiễu, ví như ngôi nhà cao vật liệu nặng mà bị địa chấn. Cổ nhân mới bảo: “Lộc phùng xung phá cát xử tàng hung” nghĩa sao Lộc mà bị xung phá thì trong tình trạng tốt đẹp có ẩn hung họa ghê gớm. Lộc

Tồn Hóa Lộc gặp Không Kiếp Hòa Linh Hóa Kị là dấu hiệu của thất bại sụp đổ, bất an, chìm nổi, ưu phiền, lo âu.

Lộc Tồn Hóa Lộc đóng vào Nô Bộc cung, cổ nhân nói: “Túng hữu tài quan dã bồn tri” nghĩa là dù có tước lộc tiền bạc thì cũng chỉ là ở cái thế tay sai bộ hạ.

Thiên Mã thuộc dương hỏa, chủ về “động” chuyển dịch, xoay sở. Tính chất hiếu động, gặp tốt thành hay, gặp xấu thành dở, hợp với Lộc Tồn Hóa Lộc. Bị các hung sát tinh đi kèm thành khốn đốn, hư hoại.

Thiên Mã gặp Đà La gọi bằng triết túc mã (ngựa gầy chân thích chơi hơn làm) gặp Hòa Tinh gọi bằng chiến mã, nếu Mệnh xấu thường hung tử tha hương.

Thiên Mã rất kỵ các sao Không vong (Tuần Triệt) cả đời bồn ba. Thiên Mã đứng với Tử Vi Thất Sát ở Tị Hợi gọi bằng quyền mã. Đứng với Thiên Tướng Vũ Khúc tại Dần Thân gọi bằng “tài án mã”. Gặp Thái Âm ở cung Hợi gọi bằng tài mã. Gặp Thái Dương tại Tỵ gọi bằng quý mã.

- Mã ngộ Hình nhi phùng Thiên Khốc công hoàn phát võ. (Mệnh có Thiên Mã đứng với Thiên Hình lại được sao Thiên Khốc vào binh nghiệp thành công.)

- Mã ngộ Khốc như phùng Hình, Quyền Lộc Ân tại Quan cung, võ tất thắng ban đệ nhất. (Cung Quan Lộc Thiên Mã Thiên Khốc gặp Thiên Hình, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Quốc Ân khả đi làm to trong binh nghiệp.)

Thiên Mã đóng vào cung Tật Ách cả cuộc đời không bao giờ được nhàn nhã thân tâm, chẳng lo cho mình cũng lo cho người, chẳng chuyện gì cũng gây ra chuyện để mà tất tưởi đôn đáo.

Những câu phú về Lộc Mã:

*Lộc Tồn thủ ư Tài Trạch tích ngọc đôi kim. (Cung Tài, cung Điền có Lộc Tồn thì của cải tích tụ.)

*Lộc Tồn Tí Ngọ vị Thiên Di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi. (Cung Thiên Di, hoặc Mệnh Thân tại Tí hay Ngọ mà có Lộc Tồn thì nhiều bổng lộc.)

*Lộc Tồn hậu trọng đa y lộc. (Mệnh Lộc Tồn, thân

hình đầy đặn, tiền bạc sung túc nhất là đối với nữ mạng.)

*Song Lộc thủ Mệnh Lã Hậu chuyên quyền. (Mệnh có song Lộc, đàn bà lấn lướt chồng như bà Lã Hậu.)

*Minh Lộc ám Lộc vị chí công khanh. (Lộc tọa Mệnh, Lộc ám cùng, thì dù Mệnh Dần có Hóa Lộc, lại thấy Hợi có Lộc Tồn tức ám lộc thì địa vị cao.)

*Song Lộc trùng phùng, chung thân phú quý. (Mệnh hội tụ hai Lộc suốt đời giàu sang.)

*Lộc Văn cùng Mệnh phú nhi thả quý. (Lộc đi cùng Xương Khúc hội tụ vào Mệnh, có tiền và địa vị.)

*Lộc hợp uyên ương nhất thể vinh. (Thân ở Phôi cung, hội song Lộc lấy vợ giàu sang hoặc nhờ vợ mà giàu sang.)

*Lộc Mã tới hi giao tri chúng nhân sùng ái. (Lộc Mã gặp nhau ở Mệnh cung dễ tạo cảm tình với người chung quanh.)

*Lộc đào Mã đào kị Kiếp Không Thái Tuế. (Mệnh Lộc Mã xung chiếu hoặc Mệnh Mã Lộc xung chiếu mà gặp Kiếp Không Thái Tuế suốt đời bất mãn, công danh trắc trở, tiền tài nay có mai hết.)

*Lộc Tồn nhập miếu tại Hợi cung, chung thân phú túc. (Lộc Tồn cư Mệnh ở Hợi suốt đời khá giả, với điều kiện không bị xung phá.)

*Hợp Lộc, cùng Lộc định vi văn võ toàn tài. (Lộc thủ, Lộc chiếu không xung phá bởi hung sát tinh, đa tài.)

*Lộc Tồn ngộ Triệt cư huynh đệ nam trường bốn ba. (Cung huynh đệ Lộc Tồn bị Triệt có người anh em bốn ba xứ người, đến vận hạn này thường bị thay đổi thuyên chuyển.)

*Thiên Lộc ngộ Thái Âm ư nhân cung đệ bào huynh đệ. (Lộc Tồn gặp Thái Âm hãm ở cung Bào thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha.)

*Lộc Tồn Thiên Mã kinh nhân giáp đệ. (Mệnh Lộc Tồn Thiên Mã là người học hành đỗ đạt cao.)

*Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Từ Vũ, Đình Kỳ âm nam phú đa danh thọ. (Người tuổi Đinh Kỷ gặp hai Lộc ở

Ngọ Dân đi cùng bộ Tử Phủ Vũ Tương thì giàu và thọ.)

*Thiên Mã nhập Mệnh mãn tiếp đa năng. (Mệnh Thiên Mã xoay sở làm việc giỏi.)

*Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối. (Sao Thiên Mã đứng bên Tam Thai vào bất cứ lãnh vực nào cũng giỏi hơn người.)

*Mã ngộ Không vong chung thân bôn tẩu. (Thiên Mã bị Triệt Tuân suốt đời vất vả.)

*Mã Bát Kiếp Không hưng thương quân tử. (Thiên Mã, Hữu Bát gặp Không Kiếp làm nghề trộm đạo.)

*Lộc Mã giao tri vượng phu ích tử.

*Mã ngộ Khốc nhi phùng Hình Quyền Lộc Ân tại Quan Lộc võ tất thăng ban đệ nhất, văn hội chuyển đạt tam công. (Cung Quan Lộc thấy Thiên Mã gặp Thiên Khốc, Thiên Hình Hóa Quyền Hóa Lộc Quốc Ân theo nghiệp võ hay văn đều đạt địa vị cao.)

*Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc công hoàn phát võ. (Mã gặp Thiên Hình Thiên Khốc vào nghiệp võ phát công danh.)

*Thiên Mã tại Ty, thị chiến mã, hạnh ngộ Lương Khoa loạn thế xuất đầu. (Thiên Mã ở Ty cùng đứng với Thiên Lương Hóa Khoa, gặp thời loạn thành danh.)

*Chích hỏa phân Thiên Mã bất nghi viễn hành. (Thiên Mã đứng cùng Hỏa Linh đừng nên phiêu lưu đi xa.)

*Mệnh Thân đồng tọa, như tại hỏa cung hoặc lâm Hợi địa đồng cung vô chính diệu khung kiến Mã Hình Linh Kiếp như hoa khai ngộ vũ, mãn thế phi bản tác yếu. (Mệnh vô chính diệu, Thân Mệnh đồng cung đóng Ty Hợi mà thấy Thiên Mã Linh Tinh Thiên Hình địa Kiếp ví như hoa nở bị cơn mưa lớn, không nghèo thì yếu.)

*Lộc phùng Lương miếu, bảo tư tài ích dữ tha nhân. (Lộc gặp Thiên Lương miếu địa khéo giữ của, thích cho người vay lấy lời.)

*Nữ Mệnh Thiên Mã ngộ Lương âm, tiện nhi thả dâm. (Số nữ Mệnh ở Ty Hợi sao Thiên Lương thù mà gặp

Thiên Mã thì dâm tiện.)

*Song Lộc cư, nhi ngô Cơ Lương phú gia địch quốc.

(Mệnh song Lộc đứng cùng Cơ Lương đại phú.)

*Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia

Có người buôn một bán ba nên giàu.

*Mã Lộc ấy một phương hội ngộ

Cách phi thường phong độ anh tài.

*Long đông đông tẩu tây trì

Bởi vì Thiên Mã Thiên Di hãm nhân.

(Mệnh đóng Ty, Thiên Mã đối xung từ Hợi thường long đông ngược xuôi.)

*Từ cung Thiên Mã phùng Không

Gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi.

*Mã Lộc ngộ Tướng mấy ai

Giàu sang đến trước đấng trai anh hùng.

*Đồng cung Tồn Mã gặp nhau

Tiền tài vinh hiển ngàn dâu thẳng đường.

*Từ Phù gặp Mã Dân Thân

Phù dư mã ắt thanh vân lộ đồ.

*Mã ngộ Linh Hòa miếu cung

Chiến binh mã ấy vẫy vùng nơi nơi.

*Tuần mã Khốc Khách hợp bài

Ngựa kia có nhạc anh tài lên yên.

*Mã kia sao Tuyệt một nhà

Cũng đồ Mã ấy thật là gian truân.

*Thiên Hình ngộ Mã chẳng nên

Phù thì mã ắt tật nguyên chân tay.

*Chiết túc Đà Mã sum vầy

Từ mã Tuần Triệt đêm ngày khám kha.

*Thiên mã nhập Mệnh ấy ai

Tài năng mẫn tiệp, người người ngợi ca.

*Tràng Sinh Mã Hi đồng cung

Công danh đặc lộ vẫy vùng một phương.

*Phá Quân, Riêu Mã hợp vào

Ắt người du đấng ai nào dám thân.

(Phá Quân hãm địa tại Dần Thân đứng với Thiên Riêu, Thiên Mã.)

*Lộc cư Nô bộc bực mình

Đông Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài.

*Vũ Cơ Lộc Mã Hi Hồng

Hôn nhân vận ấy đeo bông thất gia.

*Tài buôn bán nhiều bề giới dẫn

Mà mệnh cung Tồn hản Thiên Di.

*Tang môn ngộ Mã đình ninh

Mỗi người mỗi xứ gia đình quanh hiu.

(Thiên Mã vào cung Bào hội Tang Môn.)

*Triệt Tuần ngộ Mã ưu phiền

Bỏ chồng vợ trốn đến miền xa khơi.

(Mã gặp Triệt Tuần ở Thê.)

*Cơ Lương Lộc Mã ấy ai

Thạch Sùng kim ốc có sai đâu là.

*Hi thần, Hoa Cái yêu vì

Lộc Mã hội hợp nhiều khi ngoại tài.

(Cung Thiên Di thấy Lộc Mã và Hi Thần Hoa Cái thường có tiền đến bắt ngờ.)

*Chơi bờ du thủy du san

Thiên Di đào Mã hợp làng kết giao.

*Kinh tứ Mộ, Mã triều lai

Biên cương ắt hẳn ra tài võ công.

(Kinh đóng cung Quan ở Thìn Tuất Sửu Mùi có Mã chiếu.)

*Quan Lộc Tử, Mã nhất ban

Khốc Hư Tí Ngọ đồng sàng hoạnh thương

Mã Lộc Thiên hi thuận đường

Hoặc là Lộc Mã hợp phường tốt thay.

*Kinh Đà ngộ Mã đã dành

Là người xuôi ngược để dành chiến công.

(Kinh tại Quan Lộc hội chiếu Thiên Mã.)

*Hỏa Linh hợp Mã một nhà

Hoặc nghề cơ khí, hoặc là chớ chuyên.

(Mấy sao trên vào cung Quan Lộc.)

THÊM NHỮNG CÂU PHÚ VỀ LỘC TỒN:

*Lộc Tồn tại viên khả hưởng tổ nghiệp. (Lộc Tồn đóng Mệnh cung có thể được hưởng sản nghiệp ông cha.)

*Minh Lộc ám Lộc cảm thượng thêm hoa. (Lộc Tồn hay Hóa Lộc ở Mệnh có Hóa Lộc hay Lộc Tồn chiếu theo thể nhị hợp như gắm thêm hoa miễn là không gặp Tuần Triệt.)

*Song Lộc ngộ Cơ Lương phú gia kham kỳ. (Thủ Mệnh Cơ Lương gặp song Lộc giàu có.)

*Lộc Mã tới hi giao tri chúng nhân sùng ái. (Lộc Mã đứng cùng dễ gây thiện cảm với người.)

*Hợp Lộc cùng Lộc khả thành võ công. (Mệnh Lộc, có Lộc từ cung Thiên Di xung chiếu có thể phát về nghiệp võ.)

LUẬN VỀ HÒA TINH VÀ LINH TINH:

Trong Tử Vi Đẩu Số, Hòa với Linh là hai sát tinh đi cặp, như Kinh Đà, Không Kiếp. Cả ba cặp sao trên gọi chung bằng “lục sát”. Đôi khi gọi bằng tứ sát, bộ bốn này không có Không Kiếp. Hòa Tinh, Linh Tinh hiện ra mang đến sự biến động, làm chuyển hẳn một hoàn cảnh khách quan.

Ảnh hưởng của Hòa Linh phải kể là nghiêm trọng. Ti dụ Mệnh cung vô chính diệu, Hòa hay Linh độc thủ thì quan hệ với những người sinh thành không mấy tốt đẹp, hoặc mồ côi, hoặc bố mẹ chia lìa, hoặc đi làm con nuôi, hoặc không gần gũi phải ở với ông bà nội ngoại, chú bác cô dì, hoặc như Lã Bố làm con ba họ.

Trường hợp Hòa Linh đóng ngay vào Phụ mẫu cung, nhưng chính tinh của cung này tốt, lại thấy cả Lộc Mã thì phải đoán rằng thừa nhỏ đi theo bố mẹ đến một dị vực (phương xa) tạo điều biến đổi cho cả cuộc đời về sau (tỉ dụ lần du cư tị nạn sang Mỹ).

Hòa với Linh đều chủ về biến động, thứ biến động gay gắt khó khăn chìm nổi. Hòa với Linh trên biến động lại mang riêng hai trạng thái khác biệt. Cổ nhân viết: “Hòa minh, Linh ám”. Giả như Hòa Linh mang đến tai họa, thì Hòa rõ ràng khả dĩ nhìn thấy trước mà dự liệu được, nhưng Linh thì bất ngờ và âm thầm.

Hòa như sóng dữ nổi trên mặt nước. Linh như ngọn sóng ngầm khó đề phòng. Hòa Tinh thuộc dương hỏa, sao của sát phạt chủ về các việc hung họa. Hòa Tinh thủ Mệnh tính cứng rắn cương quyết, có quyền uy nhưng rất nóng nảy không chịu an phận, không thể thỏa hiệp với hiện thực ư phiêu lưu và bồn ba.

Linh Tinh thuộc âm hỏa cũng là sao sát phạt chủ về những việc phá hoại. Linh Tinh lạnh lợi và cơ mưu, cao vọng không chấp nhận hiện thực, tâm ý bất thường dễ phản phúc hay tạo những đột biến.

Ti dụ Hòa Linh vào Điền Trạch đều đưa đến tai họa về nhà cửa: cháy nhà, bị đoạt nhà. Nếu Hòa Tinh thì cháy nhà xảy đến bằng tai nạn vô ý. Nếu Linh Tinh thì xảy đến bằng có kẻ đốt nhà. Âm mưu đoạt nhà đều vì Linh Tinh chứ không phải do Hòa Tinh.

Hòa Linh vào cung Tật Ách thì Hòa bệnh thuộc thực và rõ rệt, Linh Tinh bệnh thuộc hư và âm trầm.

Hòa Linh đóng Mệnh tuổi trẻ đã ly hương. Ở Phụ mẫu cung, tuổi nhỏ sớm phải xa cha mẹ một thời gian. Ở huynh đệ cung anh em chia lìa. Ở Phu Thê cung vợ chồng phân tán. Để tìm hiểu căn cứ vẫn phải căn cứ vào nguyên tắc "Hòa minh Linh ám" mà đoán Hòa và Linh đều rất hợp với sao Tham Lang.

Tại sao? Vì Hòa Linh thuộc hỏa, mà Tham Lang là dương mộc, mộc sinh hỏa. Tham Lang có Hòa hay Linh thêm Lộc tồn, hoặc Hóa Lộc chủ về hoạnh phát tiền bạc. Nếu thấy cả Không Kiếp chen vào thì bạo phát rồi bạo bại.

Tham Linh không hay bằng Tham Hòa. Cổ nhân nói "Tham Linh tịnh thù tướng tướng chi danh" (Tham Lang Linh Tinh đồng cung đắc địa làm tướng văn tướng võ) cho người ta cảm tưởng rằng Linh đi với Tham tốt hơn Hòa đi với Tham.

Thực ra không không phải vậy. Hòa gặp Tham là minh hòa. Linh gặp Tham là ám hòa. Hòa cần phải sáng sủa, không nên tối ám. Bởi thế khi viết vào chi tiết cổ nhân mới thêm: "Hòa tinh mà hội hợp với Tham Lang ở vượng địa chức tới tước hầu và thượng tướng, lập công lớn nếu không bị hung sát phá, tuổi trung niên thành công".

Còn với Linh Tinh thì cổ nhân viết: "Ngộ Tham Lang tú, quan lộc diệc bất ninh nhược phùng cư vượng địa, phú quý bất khả luận". Linh và Hòa đứng với Tham Lang đều đi tới chỗ thành đạt phú quý hơn người, nhưng riêng Linh Tinh cổ nhân phê mấy chữ "diệc bất ninh" trong khi với Hòa tinh thì không phê mấy chữ này. Bất ninh là không yên. Tham Linh thường phải ứng phó với những hoàn cảnh khó khăn hơn Hòa

minh Linh ám cang rõ rệt khi chúng hiện vào các cung tử tức, nô bộc. Cung tử tức không chính tinh Hòa tinh đơn thủ, nếu đối cung có chính diệu hay thì vẫn sinh con được, không sợ tuyệt tự. Nhưng nếu là Linh Tinh thì bà thứ sinh con chứ không phải chính thể.

Hòa tinh đóng nô bộc cung với Hình Kị thì chỉ bị bộ hạ oán ghét nhưng không mưu hại. Còn bị Linh Tinh thì chẳng những oán giận còn âm mưu phản bội dẫn họa tới.

Hòa Linh đi với Dương Đà lại biến ra những ý nghĩa khác. Kinh Dương Đà La đều thuộc kim. Hòa Linh thì thuộc hỏa. Kim có hỏa luyện mới nên thép tốt, vàng y. Kinh Dương là dương kim cần dương hỏa hun đúc. Cho nên Kinh Dương chỉ tốt khi gặp Hòa tinh.

Đà La là âm kim, cần âm hỏa cho nên Đà La chỉ gặp Linh Tinh mới hay. Kết quả khác nhau ở chỗ Kinh Hòa thì phát mau và rạng rỡ, còn Đà Linh thì phát chậm và âm thầm. Kinh gặp Hòa có quyền đi với chức tước. Đà gặp Linh có quyền nhưng không ở chức vị cao.

Đà Linh thường là người giỏi về công an mật vụ và không thể thành võ tướng với võ công hiển hách mọi người đều biết. Đà Linh dễ gặp nguy hiểm hơn Kinh Hòa, nhưng nguy hiểm qua mưu mô tranh chấp. Kinh Hòa thường nổi bật khi biến động đã hoàn tất.

Đà Linh thường là người âm thầm hoạt động để dựng nên biến động. Kinh đi với Linh hay Đà đi với Hòa đều trở thành vô dụng hoặc tác hại.

Có câu phú rằng: “Kinh Dương Linh Tinh vi hạ cách” (Kinh Dương đứng với Linh Tinh là hạ cách). Trong khi Kinh Dương đứng bên Hòa Tinh thì lại có câu phú khác “Dương Hòa đồng cung uy quyền xuất chúng” (Kinh Dương đứng bên Hòa Tinh thì oai quyền. Dĩ nhiên phải là Kinh Dương đắc địa.)

Hòa Linh đứng thế hiệp Mệnh nghĩa là Mệnh cung ở giữa hai phía sát bên là Hòa Linh. Cách cục này phải kể như xấu, đưa tới hung tọa bất an, cuộc đời bôn ba nếu Mệnh cung

chính tinh xấu càng nặng. Trường hợp Mệnh cung Tham Lang độc thủ nơi miếu vượng thì lại là cách hoạnh phát, bạo phát.

Trường hợp Hòa Linh hiệp Kinh Dương ở Mệnh thì vẫn thành công nhưng cực kỳ gian nan. Những câu phú cổ nhân về Hòa Linh còn thấy:

*Vũ Khúc Dương Đà kiêm Hòa tú, táng mệnh nhân tài. (Mệnh hoặc vận hạn có Vũ Khúc Kinh Đà Hòa Tinh, vì tiền mà tang mạng.)

*Hòa Linh thủ xung nữ dâm dục. (Hòa Linh đóng Mệnh cung hoặc xung chiếu đàn bà đa dâm.)

*Thất Sát Linh Tinh trần vong yếu triết. (Thất Sát gặp Linh Tinh số không thọ, thường hung tử.)

*Linh Tinh Phá Quân bốn ba lao bác tài tinh khuynh. (Linh Tinh Phá Quân hãm cuộc đời long đong vất vả tiền bạc phá bại.)

*Linh Hòa Dương Đà thủ Mệnh yêu đà bối khúc chi nhân. (Tại Mệnh hội tụ Kinh Đà Linh Hòa dễ bị tật như còng lưng.)

*Hòa Linh tương ngộ nhập miếu danh chấn chư bang. (Hòa Linh ở Mệnh, nơi miếu địa, công danh hiển hách.)

*Linh Tinh tọa Mệnh nhập miếu vũ chức cư đa. (Linh Xương Đà Vũ hạn ngộ đầu hà.)

*Linh Xương Đà Vũ hạn ngộ đầu hà. (Vận hạn thấy Linh Tinh hãm gặp Đà La Vũ Khúc hãm hay Văn Xương có thể chết.)

*Hòa Linh dữ Phá đương Thân, bại điền tài ư tổ nghiệp. (Hòa Linh đứng với Phá Quân ở Thân (không phải cung Thân) thường phá điền tài của tổ nghiệp.)

*Linh hòa miếu vi nhân đại dâm. (Linh Hòa thủ Mệnh miếu địa là người can trường to gan.)

*Hòa Linh Dương Đà vi tứ sát đơn phùng Cơ tú nhi hữu duyên. (Tứ Sát Hòa Linh, Dương Đà một tron bốn sát ấy gặp Thiên Cơ là người có duyên.)

*Hòa Tinh Linh Tinh chuyên tác tọa, ngộ Kiếp

Không Thiên Sứ họa trùng trùng. (Hòa Linh ưa gây họa gặp thêm Kiếp Không ở chỗ Thiên Sứ họa còn gặp bội.)

*Linh phùng Sứ, Mã hội Dương Đà hữu tật tứ chi. (Cung Tật Ách (nơi sao Thiên Sứ đóng) lại thấy cả Dương Đà chân tay có tật.)

*Hòa Linh hãm ư tử tức đáo lão vô nhị khóc. (Hòa Linh hãm vào cung tử tức, hiềm con hoặc lúc già xa con.)

Linh Hòa Hình Tang tối hiềm tử tức, hạnh ngộ Nhật Nguyệt tịnh minh lão lai tật hữu. (Linh Hòa Hình tang ở cung con, nếu như có Nhật Nguyệt song hữu thì khi về già cùng có người nối dõi.)

*Hòa Linh nhập Mệnh miếu, kiến chư cát, lập vũ công. (Hòa Linh hay Linh tinh miếu địa đóng mệnh gặp thêm các cát tinh lập được vũ công.)

*Hòa Linh tương ngộ nhập miếu danh chấn chư bang. (Hòa với Linh đồng cung ở đất miếu danh tiếng khắp nơi.)

*Hòa Linh hãm hội Dương Đà bảo cương tai thâm. (Hòa Linh ở đất hãm gặp Kinh Đà thì lúc nhỏ lắm bệnh tật.)

*Nữ mệnh Hòa Tinh tâm độc, nội lang, khắc phu khắc tử. (Đàn bà Hòa Tinh thù mệnh giỏi tháo vát, nhưng tâm độc và dữ dằn khắc chồng khắc con.)

*Đà La Hòa Linh đồng cung giới dịch chi tật. (Mệnh hay Tật Ách có Đà La Hòa Linh dễ mắc chứng phong ngứa, sưng gan.)

*Hòa Linh ngộ hãm Thiên Cơ

Hắn trong Mệnh ấy có tà chứ không.

(Hòa Linh hãm gặp Thiên Cơ hãm, người khật khùng như bị ma làm.)

*Hòa Linh Tri Mộc sáng soi

Lánh mình lửa cháy, nước sôi chớ gần.

*Hòa Linh ngộ Mã oán gia

Đề phòng hòa hoãn mới là khỏi tai.

*Linh Tinh Việt Hóa đoài biên

Thạch trung hương hỏa thất kiểm sinh tai.

(Linh Tinh, Hòa Tinh Thiên Việt ở Dậu dễ bị tai họa

về nhà cửa.)

*Kiếp Không da ắt đen hoàn

Hòa Linh mặt khó sầu đăm đêm ngày.

(Mệnh Hòa Linh mặt mày ít tươi tỉnh, thường sắc
sức, giận dữ.)

*Đất tử mộ Linh Tinh Tham Vũ

Có uy quyền chớ ngộ Kinh Dương.

*Tuất Thìn Xương Khúc Đà Linh

Sát gia Mệnh hạn gieo mình trầm vong.

*Kinh Dương Kị Hòa một bài

Hãm mà thù Mệnh thật loài ác tinh.

*Dương Linh tọa thù Mệnh ai

Lại gặp Bạch hổ họa tai đao hình.

*Linh phùng Sát Phá hạn hành

Văn Vương xưa cũng giam mình ngục trung.

*Phu cung Riêu Sát Kinh Dương

Hội giao Linh Hòa gái toan giết chồng.

*Cự Môn Linh Hòa tương phùng

Ba lần mối lái chẳng xong mối sầu.

(Linh Hòa đây đóng vào cung Phu Thê.)

*Linh Tinh hà tiện bao nhiêu

Phá Quân kia lại tiêu liêu tiêu vung.

(Linh Tinh ở Phu Thê cung có chồng hay vợ hà tiện.)

*Kiếp Không Linh Hòa xấu xa

Sinh con lại gặp những tà ác tinh.

(Kiếp Không Linh Hòa vào tử tức hiếm con, con bất
hiếu bất mục.)

*Bóng tà vẫn kém hào con

Bởi chung Linh Hòa Thái Âm hãm nhân.

*Hòa Linh Dương nhãn lâm vào

Có sinh con cũng liệt vào tật thương.

*Thiên Hình giữ cửa tốt sao

Linh Tinh hà tiện nên giàu đáng khen.

(Linh Tinh đây ở cung tài bạch.)

*Thiên Lương ngộ Hòa chớ làm

Hại người tổn vật mấy lần họa sinh.
 Hòa Tinh ở Dần Ngọ Tuất là miếu địa.
 Hòa Tinh tại Tỵ Dậu Sửu là đắc địa.
 Hòa Tinh vào Hợi Mão Mùi là lợi địa.
 Hòa Tinh đứng Thân tí Thìn là hãm địa.
 Linh Tinh đóng Dần Ngọ Tuất, Thìn Tỵ Mùi là miếu

địa.

Linh Tinh hãm ở Tý Hợi Dậu Sửu.

LUẬN VỀ KINH DƯƠNG ĐÀ LA:

Kinh Dương, Đà La trong khoa Tử Vi là hai sát tinh đi đôi như Linh Hỏa, cùng với Linh Hỏa thành bộ “tứ sát”. Nhưng Kinh Đà có nhiều khác biệt với Hỏa Linh. Hỏa Linh mang đến phiền nhiễu. Kinh Đà đem lại tổn thất.

Khi hội tụ đủ bộ tứ sát lại đoán khác và gặp Địa Không Địa Kiếp lại đoán khác. Kinh Dương Hóa khí là “Hình”, Đà La hóa khí là “Kỵ”. Hình từ Kinh Dương biểu hiện phá hoại lực, có thể gây ra thất bại, có thể gây ra thị phi sau khi đã thành công.

Kỵ từ Đà La biểu hiện ngăn trở trì trệ, có thể tạo nên những khó khăn bất ngờ, có thể khiến cho đường sự vào mê hồn trận. Phá hoại lực của Kinh Dương thường rõ ràng dễ nhận thấy. Ngăn trở trì trệ của Đà La thương ngầm ngầm quý quyết.

Kinh Dương phá hãm ví như một chân tiểu nhân. Đà La phá hãm ví như ngụy quân tử. Bởi vậy khi Kinh Dương hội Hỏa Tinh gây thành sức mạnh phản kháng như cách “mã đầu dơi tiến” nơi cung Ngọ, vượt qua những khó khăn gian tân mà đến với thành công.

Nhưng nếu Đà La hội với Hỏa tinh lại thành ra thứ trở ngại không vượt được rồi thất bại. Hung tọa đến từ Kinh Đà xem như thế còn tùy thuộc vị trí chúng đứng và hội tụ với sao nào để mà tìm ra đầy đủ ý nghĩa.

Kinh Dương là một tình trạng phát triển thái quá. Còn mang tên gọi khác là “Dương nhẫn” đầu mũi gươm xung kích tiên phong. Kinh Dương vào Mệnh làm việc xông xáo không do dự, đã quyết thì làm, sờ đoán của Kinh Dương là khó tiếp thụ ý kiến người khác, hiếu thắng, cao ngạo, ăn nói sắc nhọn dễ gây thù oán. Khuynh hướng cực đoan, tình cảm yêu với hận rõ ràng, ân với oán phân minh.

Đà La ngược lại, làm việc âm thầm, gan góc, tiến chậm nhưng không ngừng tiến, không vội vã nhưng không

phải không có phản ứng mau. Thường nuốt để bụng và cực kỳ cố chấp. Khả năng nhẫn nại cao.

Đến đây ta hãy bàn về vị trí của sao Kinh Dương. Kinh Dương bao giờ cũng đứng trước Lộc Tồn gọi bằng tiền Kinh hậu Đà. Không thể đặt ngược vị trí của nó thành tiền Đà hậu Kinh.

Như trên đã nói Dương nhĩn là một tình trạng phát triển cao độ. Giáp Lộc đóng Dần thì sự phát triển cao độ của Giáp mộc phải vào mộc cung là Mão. Bính hỏa Lộc tại Tị thì tình trạng phát triển mạnh cũng phải ở nơi cung hỏa Dương nhĩn tất phải đóng Ngọ.

Ất mộc Lộc tại Mão thì Dương nhĩn Thìn là thủy mộc khó. Đinh Kỷ Lộc ở Ngọ thì Dương nhĩn đóng Mùi hỏa khó. Tân kim Lộc tại Dậu thì Dương nhĩn đóng Tuất kim khó...

Sách Tinh Bình Hội Hải viết "Giáp Lộc đáo Dần, mão vi Dương nhĩn, Ất Lộc đáo Mão Thìn vi Dương nhĩn... Quý Lộc đáo Tị, Sửu vi Dương nhĩn..." Lộc tiền nhất vị vi "Nhĩn" nhốn vi vạn vật chi lý giai ố cực thịnh, Lộc quá Nhĩn sinh công thành đương thoái, bất thoái tắc quá việt kỳ nhân. (Nghĩa là trước Lộc Tồn một cung là Dương nhĩn bởi lẽ cái lý của vạn vật không thuận được với tình trạng thái quá, Lộc lên cực điểm thành hoại, công thành rồi hay từ tồn lại, cứ tiếp tục quá khích tất sẽ bại.

Ở số Tử Bình không có sao Đà La, nhưng Dương nhĩn rất quan trọng. Tử vi căn cứ vào lý luận trên, không cách gì mà đổi ra tiền Đà hậu Kinh, đổi như vậy lý ngũ hành mất đất đứng.

Lấy trường hợp tuổi Bính Mậu có Đồng Âm tọa thủ tại Mệnh, Đồng Âm ấy được Kinh Dương mới hay, nếu như lại sao Đà La năm chênh ềnh ở đây thật khôi hài. Câu phú: Thiên Đồng Thái Âm cư Ngọ vị, Bình Mậu trấn ngự biên cương. Phải tiền Kinh tuổi Bính Mậu mới có Dương nhĩn tại Ngọ được.

Kinh Dương đắc địa thủ Mệnh thân tài chắc chắn,

xương lớn nhưng không lộ cốt. Kinh Dương hãm thân tài gây guộc xương lộ da như cam sành. Kinh Dương hợp với các cung mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) vì mộ cung có khả năng thuận hóa được tính phát triển quá mức của sao này. Kinh Dương ở mộ tuy đắc địa nhưng vẫn phải có cuộc đời phiêu lưu bốn ba lý hương và xa cách người thân.

Kinh Dương đóng vào tứ bại địa (Tí Ngọ Mão Dậu) nếu không kết hợp thành một cách riêng biệt như hội hợp với Đồng Âm, tính chất hình khắc nặng hơn, đáng ngại nhất là Dậu rồi đến Mão.

Riêng với nữ mệnh có Kinh Dương dù miếu địa cũng phải xem là “mỹ trung bất túc” vì nữ mệnh đều an định êm đềm trong đời là chủ yếu. Kinh Dương gặp Nhật Nguyệt, trai khắc vợ, gái khắc chồng. Kinh Dương gặp Liêm Trinh Hỏa Tinh ắt có ám tật, hoặc tứ chi bị thương.

Sách vở Trung Quốc có mấy câu đáng để ta suy ngẫm: Thiên Tướng hãm phùng Dương Mãn, nữ nhân thi lụy nghĩa là nam mạng Thiên Tướng đóng hãm địa gặp sao Kinh Dương thường bị đàn bà làm khổ (vì tình mà khổ). Hồng Loan Dương Nhãn vị tình đoạn trường nghĩa là số gái Hồng Loan gặp Kinh Dương dễ đi vào cảnh huống đoạn trường vì tình.

Đà La thủ Mệnh biểu hiện qua đôi mắt lớn, lồi, đắc địa ánh mắt từ tường, hãm ánh mắt mờ đục. Răng dễ bị hư, nếu vào hãm địa. Đà La đắc địa ở các cung mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) làm việc giỏi dần, dám làm và thành công.

Đà La hãm nơi Dần Thân Ty Hợi tính giáo quyết ưa phá hoại, cô đơn. Đà đắc địa tứ mộ can đảm thâm trầm, lắm mưu mô thủ đoạn.

Đà La gặp Riêu Cái Tuế ở Mệnh có tật nói ngọng, nói lắp. Đà hãm gặp Linh Hỏa Không Kiếp Kỵ Hình, đau yếu tật nguyên, dễ lâm vào cùn khổn.

Đà La Kinh Dương hội Thất Sát thường gặp tai họa lớn. Đà gặp Thiên Hình ở vận hạn đưa đến kiện tụng, ẩu đả. Đà gặp Hỏa ở vận hạn đau ốm. Đà gặp Thiên Mã tại Mệnh

rất khôn ngoan nhưng cũng rất mưu mô.

Đà La Sừu Mùi tốt nhất, thứ đến Mùi, Thìn vượng địa, Tuất bình hòa. Đà La hội với Tham Lang dễ biến thành con người ham mê chơi bời, rượu chè.

Đà La gặp Hòa Tinh hay bị thương tật, hoặc bệnh lâu không khỏi. Đà La Mệnh, Kinh Dương Thân thì hình khắc dữ dội hơn nữa.

Đà La vào Tật ách có bệnh phổi, xuất huyết ở phổi, mặt có sẹo, tê thấp, bệnh ngứa làm lột da. Kinh Đà vào cung Tật ách của số nữ, phải đề phòng bệnh bướu tử cung đưa đến giải phẫu.

Kinh với Đà kể về mặt hung họa tác hại ngang nhau. Nhưng với Kinh thì rõ rệt, mọi người có thể biết. Còn với Đà LA thì ngấm ngấm ít ai hay. Đó là điểm khác biệt giữa Kinh với Đà cũng như “Hòa minh Linh ám” vậy.

Đà La đứng bên Tham Lang khi Tham Lang ở cách “phiêm thủy đào hoa” tức Tham Lang đóng Hợi có thể đưa đến tình trạng “mê hoa luyến tửu dĩ vong nhân” chết vì trác táng do nghèo hay bệnh.

Đà La đứng với Tham Lang ở Dần cách gọi bằng “phong lưu thái trọng” lại là con người hào hoa phong nhã dễ bị lừa gạt bởi đam mê, không trác tang. Cách “phiêm thủy đào hoa” với “phong lưu thái trọng” khác nhau như vậy.

Kinh Đà có một cách nhất định gây họa hại, ấy là khi Lộc Tồn đứng với Hóa Kị, đương nhiên Kinh Đà hiệp Mệnh, cổ nhân gọi bằng cách Kinh Đà hiệp Kị. Cách này đưa đến cái họa bản bệnh giao gia (vì bệnh tật mà nghèo túng, đã nghèo túng, đã nghèo túng còn bệnh tật). Sao Lộc Tồn đứng với Hóa Kị như thế thật xấu.

Kinh Đà cũng không hợp với Thất Sát, Phá Quân, Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc. Nhưng Kinh Đà mà hiệp sao Thiên Tướng hãm thì họa hại mạnh hơn hết. Cách Tham Hòa là cách tốt, nhưng có Đà Kinh vào, hỏng đi.

Cự Môn Kinh Dương không hại lắm, hễ có thêm Hòa Tinh vào thì phiền. Nhưng Kinh đắc địa đứng với Hòa lại

hay.

Ngoài ra không phải cứ thấy Kinh Đà xuất hiện là tuyệt đối xấu, Kinh Đà hung hiểm nhưng mặt khác nó cũng tạo nên điều cát lợi mạnh mẽ không kém.

Đà La đứng với sao Thái Âm tại Mệnh, số nữ tính dục cực vượng thịnh đến mức loạn dâm bất kể Thái Âm đắc địa hay hãm địa; trường hợp hãm thì loạn kèm theo tiện, trường hợp đắc sang trọng phong lưu.

Có một thuyết cho rằng Kinh Dương tượng trưng bộ sinh thực khí của đàn ông và Đà La tượng trưng bộ sinh thực khí của đàn bà. Từ thuyết này mà Thái Âm Đà La mới loạn dâm, ý chỉ sức mạnh tình dục đã lên cực điểm. Cổ nhân không nhắc đến sự kiện Kinh Dương gặp sao nào thì sức mạnh tình dục vượng, dĩ nhiên không phải là thái Dương rồi.

Qua kinh nghiệm cho thấy Kinh Đà vào Mệnh cung thường là con người thông minh. Kinh Đà đi cùng Xương Khúc khiến cho cái chất Văn của Xương Khúc tăng lên gấp bội. Như vậy thì Kinh Đà liên quan tới sức mạnh tình dục là đúng.

Qua phân tâm học của Frued thì sức mạnh tình dục (pulsion sexuelle) đưa lên cao thành văn chương, đẩy xuống thấp thành trác táng, truy hoan. Đà La đứng cùng Thiên Hình Đào Hoa vì tình mà mang họa, cũng là bởi sự liên quan đến tình dục nói trên.

Kinh Đà còn một cách cục khác mà sách Tử Vi Đẩu Số không nói riêng ra là: Kinh Dương độc thủ và Đà La độc thủ. Mệnh không có chính tinh (mệnh vô chính diệu) có Đà Kinh tọa thủ là Kinh Đà độc thủ.

Kinh Dương độc thủ có thể ở Tí Ngọ Mão Dậu có thể ở Thìn Tuất Sửu Mùi. Kinh Dương độc thủ chỉ tốt khi nó đứng ở Thìn Tuất Sửu Mùi. Và Sửu Mùi đẹp hơn Thìn Tuất. Còn Tí Ngọ Mão Dậu kể là xấu gây hung họa.

Kinh Dương độc thủ vào số trai hợp cách hơn số nữ. Đà La độc thủ vào số nữ hợp cách hơn số trai. Tuy nhiên số nữ mà Đà Kinh độc thủ theo quan niệm người xưa đều không

coi như một cách cục tốt đẹp. Thời bây giờ thân phận nữ đã khác đi nhiều thì Đà La độc thủ được kể như cách cục hay nhưng không xem là tốt.

Tại sao hay mà không tốt? Hay ý chỉ khả năng giỏi dẫn, thành công khi toan tính việc gì. Nhưng không tốt vì cuộc sống bôn ba thăng trầm gay go quyết liệt, thiếu an định êm đềm. Kinh Dương độc thủ với nam mạng hễ đã thành công lớn vượt thiên hạ, nhưng lúc chưa đạt vật và gian lao cũng dữ dội. Kinh Dương độc thủ vào binh nghiệp, kinh doanh lớn, chính trị để sáng tạo sự nghiệp.

Đà La độc thủ với nam mạng đặc địa sự thành công thường không qua chánh đạo mà hễ đã bại thì xuống tận cùng, cơ sự nghiệp mất, thanh danh cũng tiêu luôn. Trong khi Kinh Dương độc thủ có bại vẫn giữ được danh thơm.

Số nữ Đà La độc thủ đặc địa có thể thành công to, nhưng tình duyên dang dở, bất mãn và luôn luôn là con người cô đơn vì quá giáo quyết nên bị xa lánh. Đà La độc thủ chỉ tốt khi đứng cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Độc thủ Dần Thân Thân Ty Hợi kể như xấu.

Những câu phú về Kinh Dương Đà La:

*Kinh Dương cư Tí Ngọ Mão Dậu hãm địa, tác họa hưng ương hình khắc thậm. (Kinh Dương đóng Tí Ngọ Mão Dậu gây ra tai họa hình khắc.)

*Kinh Dương nhập miếu gia cát, phú qui thanh dương. (Kinh Dương miếu địa gặp cát tinh, giàu sang dương danh.)

*Kinh Dương Hòa Tinh hãm vị hạ cách. (Kinh Dương đứng cùng hòa tinh ở hãm địa là hạ cách.)

*Kinh Dương thủ mệnh, Thất Sát Phá Quân xung chủ hình khắc.

*Dương Đà Hòa Linh phùng cát phát, hưng tác kị. (Dương Đà Hòa Linh với cát tinh phát phát, thêm hưng tinh rất xấu.)

*Kinh Dương đối thủ tại Dậu cung, tuế diệt Dương Đà Canh mệnh hưng. (Kinh Dương đóng Thiên Di, gặp hạn

lưu Kinh Đà, người tuổi Canh nguy biến.)

*Dương Đà hiệp Kị vi bại cục. (Kinh Dương Đà La hiệp Hóa Kị là cách thất bại.)

*Kinh Dương trùng phùng lưu niên, Tây Thi vẫn mệnh. (Kinh Dương mệnh gặp lưu niên hạn Kinh Dương Tây Thi uống mạng.)

*Dương cư đoàn chân, lục Mậu lục Giáp phúc nan toàn. (Kinh Dương xung chiếu Mệnh tư Dậu hoặc Mão, người tuổi Mậu Giáp cuộc đời lắm tai ương.)

*Kinh Dương gặp Âm Đồng (Tí hay Ngọ) thêm Phượng Các, Giải Thân uy danh lừng lẫy.)

*Dương Đà Quan Phủ ư hãm địa loạn thuyết chi nhân. (Mệnh có Kinh Đà hãm địa đứng bên Quan Phủ ư nói bậy, nói quá kỳ thực, nói lung tung.)

*Dương Linh tọa mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương. (Mệnh Kinh Dương Linh Tinh, vận "lưu" niên gặp Bạch Hổ, tai họa.)

*Thân nội Tuấtphùng Đà Kị mạc đạo phồn hoa. (Cung Thân có Thái Tuế đi với Đà La Hóa Kị là người thô lỗ quê mùa.)

*Tật Ách kiều Đà Nhẫn phản mục tật sâu. (Cung Tật Ách bị Kinh Đà dễ đau mắt.)

*Đà La lâm phụ vi, bất tu Quả Tú diệc tăng bi. (Phu cung xuất hiện sao Đà hãm, không cần Quả Tú cũng thành chia xa.)

*Mệnh Dương Đà gia Kiếp thọ giảm. (Mệnh Kinh Đà, thêm địa Kiếp không thọ hung.)

*Kinh Hư Tuế Khách gia lâm, mẫn thế đa phùng tang sự. (Mệnh Kinh Dương, Thái Tuế, Diêu Khách hội tụ cuộc đời lắm tang tóc buồn rầu.)

*Luận Mệnh tất suy tính thiện ác

Cự Phá Kinh Dương tính tất cương.

(Cự Môn Kinh Dương, Phá Quân Kinh Dương tính tình cứng rắn.)

*Dương Nhẫn bất nghi Nhật Nguyệt bệnh tật triển

miên. (Kính Dương gặp Nhật Nguyệt lâm bệnh trong người hoặc có bệnh lưu cứu không khỏi.)

*Riêu Đà Kị kế giao, họa vô đơn chí. (Mệnh hội tụ Diêu, Đà, Kị lặn độn tai ương hoải.)

*Đà Kị, Nhẫn thủ ư Phu vị

Hai chồng con chúc qui ghê thay.

*Dương Hình Riêu Sát cung phu

Lại gia Linh Hòa vợ lo giết chồng.

*Dương Đà bệnh ấy phòng mòn

Tuế Đà vạ miệng xuất ngôn chiêu hiềm.

*Đà ngộ Kị chẳng lành con mắt

Kỵ phùng Dương mắt hấn thanh manh.

*Đà Không lâm thủ Điền Tài

Luận rằng số ấy sinh lai nghèo hèn.

*Dương Nhẫn phùng Tuyệt Linh chốn hãm

Công cù lao bú mớm như không.

(Cung Tử tức có Tuyệt Linh Tinh và Dương nhẫn, khó nuôi con, hoặc con cái có cũng bằng không.)

*Kính Riêu Hoa Cái Thai Đà

Vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng.

*Tứ Hung ngộ quý nơi Thân Dậu

Đến Phật Đài cầu đảo mới xong.

(Vận đến Dậu Kinh Đà Hòa Linh gặp Tử Vi, Thiên Phủ phải làm việc thiện để mà tránh tai họa.)

*Đào Hồng mặt mũi xinh tươi

Kỵ, Hình, Đà, Nhẫn là người tật thương.

*Thái Dương đóng chốn thủy cung

Gặp Kinh hay Kị yếu vong hoặc mù.

(Thái Dương ở Hợi Tí Kị Kinh. Theo kinh nghiệm thì chi bị tật ở mắt, mắt kéo màng, chứ không phải yếu vong với mù.)

*Hỏa Dương Tham Tướng tị cung

Hoặc là tứ mộ nổi danh tướng tài

*Sát Phá Liêm Tham lâm vào

Kinh Đà Kị ấy trách nào bạo hung.

*Ngọ cung tam Hóa hợp Kinh
 Người sinh Bính Mậu biên đình nổi danh.
 *Dương Linh thủ Mệnh mấy ai
 Lại gặp Bạch Hổ họa tai đao hình.
 *Kị Đà Thái Tuế hợp bài
 Cảnh đời nào được mấy người thông dong.
 *Tuế Đà Cự Kị vận nghèo
 Một thân xuống thác lên đèo chẳng yên.
 *Kiếp Không Hình Kị Đà Dương
 Gian nan bệnh tật mọi đường khám kha.
 *Phù Đà Tuế đóng Ty cung
 Cuồng ngôn loạn ngữ nói rông tháng ngày
 *Hình Kinh cư Ngọ đồng gia
 Sát Kiếp lại chiếu ắt là ngục trung.
 *Thìn Tuất Thất Sát xem qua
 Hình Kinh hội ngộ ắt là đảo điên.
 *Nguyệt hãm Đà Hổ Tuế xung
 Hại thay diêm mẹ thoát vòng trần gian.
 *Dương Đà Thất Sát phải hay
 Chiếu thủ Thân Mệnh tháng ngày khổ đau.
 (Tâm tư không mấy vui, bi quan.)
 *Mấy người đông tẩu tây tri
 Phá Quân Thiên Việt hợp về Kinh Dương.
 *Thất Sát hãm thật đáng kinh
 Vận niên gặp phải lưu Kinh sợ thay.
 *Kỵ Liêm Phá Vũ xấu xa
 Giáp cùng Không Kiếp Kinh Đà sao nên.
 *Hóa Kị thi rớt lắm khi
 Dương phùng Kiếp Sát học gì cho xong.
 *Đà Tham từ sắc la đà
 Tuế Đà miệng lưỡi ắt là sai ngoa.
 (Đà La Tham Lang vào Thê ăn chơi. Tuế Đà vào Thê
 cung vợ chua ngoa.)
 *Dương Đà Kỵ Nhật Nguyệt xung
 Chim cưu thối ầy vợ chồng chán nhau.

(Dương Đà Kị vào cung Phối vợ chồng khó ăn ở trọn vẹn.)

*Kinh Dương mà gặp Thiên Hư
Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời.

(Kinh Dương Thiên Hư ở cung tử tức.)

*Kinh Đà Không Kiếp Khốc Hư
Sinh con diếc lác ngẩn ngơ thêm buồn.

*Đà Không nghèo khó tai ương
Lường hao tài tán bốn phương thêm phiền.

(Đà La Thiên Không ở cung Tài Bạch.)

*Đà La độc thủ tốt sao

Phúc cung chánh diệu đệ bào tiệm hưng.

(Đà La độc thủ ở cung huynh đệ không bị các hung sát tinh khác.)

*Đà La Không Kiếp án ngăn

Đẹp gì trong họ ắt rằng suy hao.

*Hỏa Linh hình khắc cô đơn

Kinh Đà cha mẹ cùng con bất đồng.

(Kinh Đà đóng vào cung Phụ Mẫu, mà lá Kinh Đà hãm địa.)

Kinh Dương Tham Lang đồng cung tại Ngọ thù mệnh uy chấn biên cương. (Kinh Tham đóng Ngọ có quyền có thế.)

Kinh Dương Nhật Nguyệt đồng cung nam khắc thể nữ khắc nhu. (Kinh Dương đứng cùng Thái Âm Thái Dương, trai khắc vợ gái khắc chồng.)

*Kinh Dương Mão Dậu thù Mệnh yếu triết hình thương. (Mệnh đóng Dậu Mão có Kinh Dương thù hay bị tai nạn.)

*Kinh Dương thù Mệnh, Hóa Kị Kiếp Không xung phá, ly tổ khắc thân. (Kinh Dương thù Mệnh nơi đất hãm gặp Kị Hỏa Linh xung phá lự lạc cô đơn.)

*Kinh Đà Linh Hòa, phùng cát phát tài, hung tắc kị. (Kinh Đà Linh Hòa đắc địa, gặp sao tốt thì phát, bị hung lại kém hay.)

*Kinh Dương trùng phùng lưu niên hung. (Kinh

Dương ở đại hạn, lưu niên gặp Kinh Dương là hung.)

*Đà La hội Nhật Nguyệt Kị tinh nam nữ đa khắc, hữu mục tật. (Đà La đứng với Hóa Kị và Nhật Nguyệt khắc vợ khắc chồng, bị tật nơi mắt.)

*Đà La hãm hội Cự Môn Thất Sát hình khắc lục thân. (Đà La đóng hãm cung gặp Cự Môn Thất Sát khó gần người thân.)

LUẬN VỀ ĐỊA KHÔNG ĐỊA KIẾP:

Không Kiếp tên gọi tắt của hai sao Địa Không Địa Kiếp. Có người cho rằng Địa làm sao Không, vậy thì Thiên Không Địa Kiếp đi một cặp. Lý luận này sai vì Thiên Không là một sao riêng biệt. Địa Không Địa Kiếp là một cặp.

Thiên Không so với Địa Không nhu hòa hơn và có tác dụng khác hẳn. Tính chất địa không theo cổ nhân viết: “Tác sự hư không, bất thành chính đạo thành bại đa đoan” (làm việc coi thường, không theo chánh đạo, thành bại theo nhau). Nói tóm lại Địa Không chẳng làm điều gì phải. Với Địa Kiếp cổ nhân viết “Tác sự sơ cuồng” (làm việc bừa bãi).

Thực tế kinh nghiệm cho thấy Không Kiếp không hẳn như những lời phê trên đây. Không Kiếp phải tùy thuộc chính tinh chúng đi cùng để mà luận đoán.

Có rất nhiều trường hợp nhờ Không Kiếp mà tốt, biến ra một cách cực kỳ lạ. Tí dụ: Thái Dương Thiên Lương gặp Xương Khúc Không Kiếp phải đoán là con người có tư tưởng mới lạ, táo bạo nhưng vững vàng, thành công qua ngã nghiên cứu học thuật, đem những điều tân kỳ cho tư tưởng nếp nghĩ. Vậy thì Không Kiếp đâu có xấu.

Cổ nhân ngại Không Kiếp bởi lẽ Không Kiếp ưa làm đảo lộn đột biến không hợp với xã hội bảo thủ nền nếp. Nhưng hiện tại xã hội luôn luôn chuyển dịch, bảo thủ an định có nghĩa là không phát triển thành trường, Không Kiếp hẳn nhiên khả dĩ mang đến lợi ích để thoát khỏi tình trạng thiếu tiến bộ.

Địa Không thuộc âm hỏa chủ về phiêu lưu mạo hiểm, lên thác xuống ghềnh. Tâm tính bất định, thích biến đổi, đôi lúc mơ tưởng đến mức ảo tưởng, thích khác người, không chấp nhận ý nghĩ gì được coi làm khuôn vàng thước ngọc, sẵn sàng dấn thân, chấp nhận gian khổ.

Địa Kiếp thuộc dương hỏa chủ bồn ba, lúc cát lúc hung. Tính tình ngoan cố, cô độc, hi nộ vô thường, dám làm,

dám hành động không do dự và toàn làm những việc trái khoáy không cần biết thành hay bại, thành thì vui, bại không buồn.

Không Kiếp đều khởi từ cung Hợi mà tính đi để đặt định vị trí. Địa Kiếp theo chiều thuận, Địa Không theo chiều nghịch. Hợi là giờ cuối cùng của một ngày. Tới Hợi là thời gian của ngày hôm ấy chấm dứt mọi sự, mọi vật đều thành bảo ảnh, thành không hư. Kiếp Không tự chỗ không hư ấy mà đẩy lên.

Hợi cung thuộc thủy. Không Kiếp thuộc hỏa. Thủy chủ trí, hỏa cùng chủ trí. Thủy Hỏa giao chiến tất cả đều hủy diệt đều thành Không, đều hết Kiếp để chuyển hoán thành một tình thế mới tuyệt đối. Nếu không xong thì Kiếp Không qui ẩn, tu hành như Chiêu Lý Phạm Thái sau khi thất bại với mưu đồ phù Lê, sau khi Trương Quỳnh Như đã chết.

Không Kiếp là hai sao của thành bại, chứ không phải chỉ có bại thôi. Câu phú: “Mệnh lý phùng Không Kiếp, bất phiêu lưu tất chủ bản khổ” sai, chỉ luận đoán mới có một chiều.

Địa Không tác sự hư không, hư không đây là thái độ chống đối phủ định ẩn chứa cái can trường muốn thay cũ đổi mới, mưu vọng này phần bại nhiều hơn phần thắng là lý đương nhiên. Thời xưa quyền lực bảo thủ cực mạnh, không ưa tư tưởng hay hành động có tính cách chống lại truyền thống, cho nên nhìn Địa Không bằng con mắt hiểm thù bảo là tác sự hư không.

Địa Kiếp tác sự sơ cuồng, hành động của con người không câu nệ tiểu thuyết, tư tưởng đi ngược với trào lưu thời thượng, dĩ nhiên quyền lực bảo thủ không mấy bằng long mà gọi bằng sơ cuồng điên điên chẳng ra đâu vào đâu.

Như vậy những hình dung từ gán cho Không Kiếp “hư không” và “sơ cuồng” ta nên hiểu theo cái nghĩa “phản truyền thống”, “phản trào lưu” của những hành động không thích ứng với xã hội đã thiết lập trật tự đâu vào đó.

Người có tư tưởng triết học, có khí chất nghệ thuật,

ngay cả những người ở trong lãnh vực khoa học nếu có được Không Kiếp mới thành công đến mức sáng tạo.

Những luận bàn về Tử Vi đời nhà Thanh đưa ra thuyết: “Kim Không tắc minh, Hòa Không tắc phát” nghĩa là Kim gặp Không như chuông đồng rỗng tạo âm thanh, Hòa gặp Không như lửa được dưỡng khí bốc cháy mạnh. Thuyết này không xuất hiện vào đời Minh. Có thể nó xuất phát từ thời kỳ động loạn của Minh mặt chăng?

Kim có người cho rằng là Kim tứ cục và Hòa là Hòa lục cục. Không đúng. Các nhà Tử Vi đời thanh muốn nói về những sao Kim, Hòa gặp Địa Không đó.

Như Vũ Khúc, Thất Sát thuộc Kim hội với Địa Không thường là những số mạng cuộc đời gian khổ cuối cùng thành đạt phần phát.

Như Liêm Trinh, Thái Dương, Thất Sát (Thất Sát vừa Hòa vừa Kim) gặp Địa Không do nhấn nại phần đầu mà nên công.

Chi nói ngộ “Không” tắc minh, tắc phát không nói đến ngộ Kiếp, rõ ràng Địa Kiếp không cùng một tác dụng ảnh hưởng như Địa Không. Điều trên cũng chứng minh rằng cuộc đời nhiều lúc bị tóa triết, bị đẩy vào chỗ cùng cực đến phải thay đổi lại thành hay về sau, như thi không đậu rồi đi lính mà nên tướng nên tá.

Về Địa Kiếp có những trường hợp nó rất hợp với Tham Lang Hòa Tinh. Địa Kiếp đem đến biến động đảo lộn, để Tham Linh ứng phó mà phần phát, hoặc Tham Hòa cũng thế. Đừng câu nệ hay thành kiến, cứ thấy Không Kiếp là đã mang ngay ấn tượng không tốt. Một trường hợp khá đặc biệt: Phúc Đức có Không Kiếp mà Mệnh cung Tham Hòa hay Tham Linh, vẫn kể làm số phát mau.

Không Kiếp đồng cung, hay Không Kiếp hội tụ vào Mệnh, hay Không Kiếp giáp mệnh ảnh hưởng ngang nhau về tốt xấu.

Câu phú Kiếp Không giáp Mệnh vi bại cục không nhất định là với số nào cũng đúng. Câu phú “Sinh lai bản tiện

Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hưởng” không nhất định với số nào cũng thế. Tuy nhiên Tài Bạch mà bị Kiếp Không thì thật hiếm trường hợp tốt vì tâm chất keo bần.

Địa Không Địa Kiếp có ba thế: a) Đồng cung, b) giáp, c) hiệp. Không Kiếp đồng cung chỉ thấy ở Ty hay Hợi, còn giáp hiệp thì ở mọi chỗ.

Có câu phú: Kiếp Không Ty Hợi phản vi giai luận nghĩa là Mệnh có Kiếp đóng Ty Hợi kẻ là tốt. Tốt mức nào còn tùy chúng hội hợp với những chính tinh nào? Kiếp Không thường ăy với hung tinh hơn cát tinh.

Qua kinh nghiệm rồi qua chứng dẫn sách vở, nhiều trường hợp hai sao Liêm Trinh Tham Lang ở Hợi hay tị mà đứng cùng Không Kiếp rất thành công khi vào lãnh vực nghệ thuật. Liêm Tham vốn là hai sao đào hoa, Tham là chính đào hoa, Liêm là phó đào hoa, trong khi Không Kiếp lại biểu tượng cho nhưng tư tưởng khác lạ mà nên vậy. Nhưng Thiên Riêu, Đào Hoa, Mộc Dục mà đứng với Không Kiếp lại không biến hóa như trên.

Xin nhắc lại Không Kiếp tuy hơi giống nhau trên tính chất, nhưng có một điểm khác khá tinh tế ấy là: Địa Kiếp chủ về phản trào lưu, Địa Không chủ về phản truyền thống; Địa Không dễ được tiếp thụ hơn Địa Kiếp.

Riêng với nữ mệnh mà bị Không Kiếp, nếu đứng trên quan niệm Nữ chủ an định thì Không Kiếp thành phiền, vì Không Kiếp vốn gây sự điều linh do chất phản trào lưu, phản truyền thống, ít hợp với đời sống nữ.

Kiếp Không Ty Hợi gặp Tướng Mã và Hóa Khoa là người can trường, có mưu cơ, công danh càng tốt vào đất loạn thời loạn. Kiếp Không Dần Thân cũng tương tự nhưng không bằng Ty Hợi.

Kiếp Không Dần Thân gặp Tử Phù tất làm hại Tử Phù. Kiếp Không đứng cùng Tả Hữu ở Mệnh, tâm ý thích lừa gạt. Kiếp Không hãm gặp Hòa Linh Tuế kị dễ bị trộm cướp. Kiếp Không Hồng Đào vào số Nữ thường gian truân với duyên tình.

Kiếp Không đứng với Hóa Quyền trác trở công danh. Tại sao đứng với Hóa Quyền lại vậy? Vì tính chất của Hóa Quyền là tích cực và ổn định. Ở đâu có Hóa Quyền thì tính tích cực và ổn định tăng cao. Tính chất Kiếp Không ngược lại làm thành sự mâu thuẫn với Hóa Quyền.

Dưới đây là những câu phú nói về Địa Không Địa Kiếp:

*Địa Kiếp độc thù thị kỳ phi nhân. (Mệnh Địa Kiếp đứng một mình luôn luôn cho ý mình là phải. Địa Kiếp độc thù làm tăng tính phản trào lưu đến mức quá lạm mà nên thế.)

*Dần Thân Không Kiếp nhi ngộ quý tinh thăng trầm vô độ. (Mệnh Dần Thân Không Kiếp thù chiếu đứng cùng với cát tinh như Tử Phủ Đồng Lương Khôi Việt, Xương Khúc thường lên voi xuống chó.)

*Ty Hợi Kiếp Không nhi phùng Quyền Lộc hoạnh đạt tung hoành. (Kiếp Không Ty Hợi có Quyền Lộc tài giỏi ngênh ngang nhưng cũng lại rất bôn ba, mau phát mau tàn chóng.)

*Sinh sứ Kiếp Không thù Mệnh do như bán thiên triết sí. (Kiếp Không thù Mệnh ở Ty Hợi Dần Thân là nơi của sao Tráng sinh lên như điều gặp gió, xuống như chúi vào bùn đen.)

*Kiếp Cơ ngộ Hòa tất ngộ Hòa tai. (Mệnh Thiên Cơ Địa Kiếp gặp Hòa tinh xung chiếu hoặc đồng cung hay gặp hòa hoạn.)

*Nhan Hôi yếu tư do hữu Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh tọa thù. (Thầy Nhan Hôi chết yếu chỉ vì Mệnh có Kiếp Không Đà Linh tọa thù. Số thầy Nhan Hôi làm sao mà biết chính xác thế. Chẳng qua chỉ mượn cái chết yếu của một người tương đối tiếng tăm để đặt cách cho các sao thôi, vì vậy cũng có câu khác: “Văn Xương hãm ư Thiên thương Nhan Hôi yếu triết”.)

*Kiếp Không Phục binh phùng Dương nhẫn lộ thượng kiếp đồ. (Mệnh Kiếp Không Phục binh Kinh Dương làm cơn đồ kẻ cướp.)

*Địa Kiếp chi đan tâm phương lẫm. (Địa Kiếp thù mệnh với nhiều quý tinh thì long dạ sắt son, sắt son với thị kỷ phi nhân gần nhau, long dạ sắt son đôi lúc cũng vì thị kỷ mà ra.)

*Mệnh cung ngộ Kiếp Tham lãng lý hành thuyền. (Mệnh Địa Kiếp đứng cùng Tham Lang cuộc đời nổi trôi bất định. Kiếp Tham Ngộ Tí Mão Dậu không phải Tị Hợi.)

*Mệnh lý Không vong, Kiếp thù Thân cung, chung niên tất cơ bản. (Mệnh Địa Không Thân Địa Kiếp, cuối đời cuộc sống khó khăn. Nói khác đi gọi bằng Mệnh Không Thân Kiếp.)

*Mệnh Không Thân Kiếp lai hội song Hao ư chính diệu, thiếu học đa thành mặc ngộ Phúc Âm, Hao tinh niên thọ nan cầu vượng hưởng. (Mệnh Không thân Kiếp thêm song Hao mà Mệnh không chính tinh thì học giỏi. Nhưng Mệnh Không Thân Kiếp lại tới kị gặp Đồng Lương. Phá Quân hãm thì khó thọ.)

*Mệnh Thân dù có lâm Không Kiếp
Gia Triệt Tuần chẳng khiếp tai nguy.

*Kiếp Không Hình Kỵ Đà Dương
Gian nan bệnh tật mọi đường lo âu.

*Tử cung Không Kiếp trùng gia
Binh phùng huyết tán, thai bào phù hoa.
(Cung tử tức có Kiếp Không khó khăn khi sanh nở.)

*Phúc cung hãm ngộ Kiếp Không
Họ hàng lẫm kẻ hành hung ở ngoài.

*Kiếp Không tan sạch ra tro
Đề phòng kéo phải lộ đồ nam kha.

(Vận hạn gặp Kiếp Không hãm phải thận trọng không
thì bao thành quả đã tạo dựng mất mát hết.)

*Phu Thê Không Kiếp trùng xung
Trái hai ba bộ mới xong cửa nhà.

*Kiếp Không ai nấy khá ngừa
Lâm vào huynh đệ đơn sơ một mình.
(Thiếu an hem hoặc xa cách anh em.)

*Đà La Địa Kiếp chiếu phương
 Gặp Hỏa Linh nạn bất tường chẳng sai.
 *Tử phùng Không Kiếp hiển gian
 Hoặc là tử sát trong làng gian phi.
 *Không Kiếp Ty Hợi đồng sang
 Công danh hoành phát phải tường cơ vi.
 *Mấy người thu ân triệt hồi
 Bởi sao Không Kiếp đứng ngồi nào yên.
 *Cung Quan mừng được Đào Hồng
 Thiên di tối kị Kiếp Không lâm vào.
 *Kia ai tiền phú hậu bần
 Bởi chưng Không Kiếp chiếu tuần vận sau.
 *Đất Tí Ngọ Sửu Thân hó Lộc
 Hội Kiếp Không là gốc tàn suy.
 *Lộc ngộ Không Kiếp đồng qui
 Cũng là vô dụng hóa vi cơ hàn.
 *Tuế ngộ Không Kiếp vận suy
 Cứu tinh Mệnh có Tử Vi mới lành.
 *Hồng Đào Không Kiếp đồng danh
 Ấy phương yếu tử đã dành một hai.
 (Hồng với Kiếp Không khó công danh phú quý. Đào
 Hoa Không Kiếp lận đận tình duyên không phải yếu tử.)
 *Quyền Hao Không Kiếp chớ màng
 Kê trên biếm loại khỏi đàng công danh.
 *Địa Kiếp với hồng sanh phu vị
 Cung Mệnh hay duyên ấy trăm năm
 Mệnh xấu duyên dứt tơ tằm
 Sinh ly sẽ định loan phòng mười năm.
 *Triệt Tuần Không Kiếp giao lâm
 Mới mai dang dở ba lần mới nên.
 (Triệt Tuần Không Kiếp vào cung phối.)
 *Thiên Di Không Kiếp khôn sao
 Hôn qui dặm liễu gặp nào người thân.
 *Không Kiếp Thiên Tướng gian truân
 Khoa tinh niên thiếu giữ tuần dăng khoa.

Qua những câu phú, qua những luận bàn của sách vở thì Không Kiếp chỉ tốt khi đóng đúng cách và hội hợp đúng cách mệnh cung, còn đóng các cung khác Tài Quan Thê Tử Phúc và hiện lên qua vận hạn, hoặc giáp hiệp thì không mấy đẹp.